

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HS-ST

Ngày: 16 - 5 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch

Ông Trương Xuân Mậu

Ông Nguyễn Xuân Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 03 năm 2023 đối với bị cáo:

Võ Như V; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 18 tháng 4 năm 1985, tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Ngõ E, đường T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ tín dụng Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Như X và bà Phan Thị M, hiện cư trú tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Anh chị em ruột: có 02 người, V là con thứ nhất trong gia đình; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2022 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư [Trương Văn B](#), [Văn phòng L3](#) - [Đoàn luật sư Q1](#), có mặt

- *Bị hại:*

1. Ông [Trương Tiến D](#), sinh năm 1969, địa chỉ: [thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt;

2. Bà [Nguyễn Thị T](#), sinh năm 1954, địa chỉ: [thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt;

3. Bà [Nguyễn Thị V1](#), sinh năm 1970, địa chỉ: [Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), vắng mặt;

4. Bà [Võ Thị N](#), sinh năm 1971, địa chỉ: [thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), vắng mặt;

5. Ông [Thái Văn T1](#), sinh năm 1972, địa chỉ: [Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), vắng mặt;

6. Ông [Lê Văn X1](#), sinh năm 1964, địa chỉ: [Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt.

7. Bà [Trần Thị H](#), sinh năm 1963, địa chỉ: [Thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt;

8. Bà [Lê Thị Đ](#), sinh năm 1954, địa chỉ: [thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt;

9. Ông [Trần Tiến T2](#), sinh năm 1956, địa chỉ: [Thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt.

10. Ông [Nguyễn Văn N1](#), sinh năm 1961, có vợ bà [Trần Thị T3](#) đại diện, trú tại: [Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), bà [T3](#) mặt;

11. Bà [Nguyễn Thị T4](#), sinh năm 1960, địa chỉ: [Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt;

12. Bà [Nguyễn Thị L](#), sinh năm 1963, địa chỉ: [Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), vắng mặt.

13. Ông [Ngô Quang V2](#), sinh năm 1981, địa chỉ: [TDP A, phường B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình](#), vắng mặt;

14. Bà [Trần Thị Đ1](#), sinh năm 1951, địa chỉ: [thôn M, xã T, huyện L, Quảng Bình](#), có giấy xin vắng mặt;

15. Ông [Trần Vũ Q](#), sinh năm 1954, địa chỉ: [Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt;
16. Ông [Nguyễn Xuân L1](#), sinh năm 1957, địa chỉ: [Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), vắng mặt;
17. Ông [Trần Văn S](#), sinh năm 1972, địa chỉ: [Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt;
18. Ông [Nguyễn Văn T5](#), sinh năm 1970, địa chỉ: [Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), đã chết, do bà [Lê Thị S1](#) (vợ ông [T5](#)) đại diện, bà [S1](#) vắng mặt.
19. Bà [Ngô Thị L2](#), sinh năm 1961, địa chỉ: [Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), vắng mặt.
20. Bà [Ngô Thị P](#), sinh năm 1984, địa chỉ: [Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), vắng mặt;
21. Bà [Nguyễn Thị R](#), sinh năm 1957, có chồng là ông [Ngô Thế T6](#) đại diện, địa chỉ: [Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), ông [T6](#) có mặt;
22. Bà [Ngô Thị V3](#), sinh năm 1977, trú tại: [Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), vắng mặt;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông [Võ Như X](#), sinh năm 1956, trú tại: [Ngõ E đường T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt;
2. Bà [Phan Thị M](#), sinh năm 1956, trú tại: [Ngõ E đường T, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình](#), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

** Đối với hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:*

Vào năm 2010, [Võ Như V](#), trú tại [phường Đ, thành phố Đ tỉnh Quảng Bình](#), nguyên là cán bộ tín dụng phòng giao dịch [Ngân hàng chính sách xã hội huyện L](#) phụ trách các [xã K, M, M, T, N thuộc huyện L, tỉnh Quảng Bình](#), lợi dụng lòng tin của các hộ vay vốn tại [huyện L](#), [V](#) đã nhận tiền của các hộ dân, sống tại [L](#) nhờ nộp vào [Ngân hàng C](#) để trả nợ khoản vay giúp họ, nhưng [V](#) không nộp vào Ngân hàng mà đem chiếm đoạt. Mặt khác cùng thời gian này, [V](#) còn vay, mượn tiền trả lãi theo thỏa thuận, rồi hẹn thời gian khoảng 3 đến 7 ngày sau sẽ trả lại tiền, do không thấy [V](#) mang trả, các bị hại đã nhiều lần liên lạc đòi tiền, nhưng không liên lạc được. Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2011 [Võ Như V](#) đã lạm dụng tín

nhiệm chiếm đoạt của 18 hộ dân ở [huyện L](#) với số tiền 3.523.800.000 đồng đem đi trả nợ và tiêu xài cá nhân. Do không có khả năng trả lại tiền cho các bị hại [V](#) bỏ trốn khỏi địa phương. Cụ thể như sau:

- [Trần Thị H](#), sinh năm 1963, trú tại: [M, L, Quảng Bình](#). Số tiền chiếm đoạt qua 02 lần: lần một: 122.000.000 đồng; lần 2: 7.500.000 đồng, tổng cộng 129.500.000 đồng.
- [Lê Thị Đ](#), sinh năm 1954, trú tại: [M, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 153.000.000 đồng.
- [Trần Tiến T2](#), sinh năm 1956, trú tại: [M, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 30.000.000 đồng.
- [Nguyễn Văn N1](#), sinh năm 1961, trú tại: [T, L, Quảng Bình](#). Số tiền chiếm đoạt: 10.500.000 đồng.
- [Nguyễn Thị T4](#), sinh năm 1960, trú tại: [T, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 22.000.000 đồng.
- [Nguyễn Thị L](#), sinh năm 1963, trú tại: [T, L, Quảng Bình](#). Số tiền 25.000.000 đồng.
- [Ngô Quang V2](#), sinh năm 1981, trú tại: [B, Đ, Quảng Bình](#). Số tiền: 41.000.000 đồng.
- [Trần Thị Đ1](#), sinh năm 1951, trú tại: [T, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 2.966.500.000 đồng
- [Trần Vũ Q](#), sinh năm 1954, trú tại: [T, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 20.000.000 đồng
- [Nguyễn Xuân L1](#), sinh năm 1957, trú tại: [T, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 34.000.000 đồng
- [Trương Tiên D](#), sinh năm 1969, trú tại: [M, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 10.000.000 đồng.
- [Trần Văn S](#), sinh năm 1972, trú tại: [M, L, Quảng Bình](#). Số tiền 15.000.000 đồng
- [Nguyễn Thị T](#), sinh năm 1954, trú tại: [M, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 13.000.000 đồng
- [Nguyễn Văn T5](#), sinh năm 1970, trú [T, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 9.100.000 đồng;
- [Ngô Thị L2](#), sinh năm: 1961, trú [N, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 12.000.000 đồng.(Đã trả xong);
- [Ngô Thị P](#), sinh năm 1984, trú tại: [N, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 9.200.000 đồng.(Đã trả xong);
- [Nguyễn Thị R](#), sinh năm 1957, trú tại: [N, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 20.000.000 đồng.
- [Ngô Thị V3](#), sinh năm 1977, trú tại: [N, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 4.000.000 đồng.(Đã trả xong);

** Đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:*

Cũng trong khoảng thời gian trên, do làm ăn thua lỗ, dẫn đến nợ nần chồng chất, để có tiền trả nợ [Võ Như V](#), đã nảy ra ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại. Thực tế [V](#) không đáo hạn cho những khách hàng đến hạn trả khoản vay, nhưng [V](#) đưa ra các thông tin sai sự thật mượn tiền để đáo hạn Ngân hàng cho những khách hàng chưa có tiền để đáo hạn,... làm cho các bị hại tin tưởng và giao tiền cho [V](#). Với thủ đoạn trên, [Võ Như V](#) đã lừa đảo chiếm đoạt của 06 bị hại với tổng số tiền 98.530.000 đồng. Cụ thể:

- [Võ Thị N](#): sinh năm 1971, trú tại: [M, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 6.500.000 đồng.
- [Trương Tiến D](#), sinh năm 1969, trú tại: [M, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 11.000.000 đồng.
- [Nguyễn Thị T](#), sinh năm 1954, trú tại: [M, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 5.000.000 đồng.
- [Nguyễn Thị V1](#), sinh năm 1970, trú tại: [K, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 31.030.000 đồng.
- [Thái Văn T1](#), sinh năm 1972, trú tại: [T, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 15.000.000 đồng.
- [Lê Văn X1](#), sinh năm 1964, trú tại: [T, L, Quảng Bình](#). Số tiền: 30.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền của 06 bị hại, với tổng số tiền 98.530.000 đồng [Võ Như V](#) đã không sử dụng vào việc đáo hạn, mà đem chiếm đoạt để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ một số giấy tờ liên quan đến vụ án do các bị hại và [Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L](#).

Về dân sự: Gia đình [Võ Như V](#) đã tự nguyện trả khoản vay tại Ngân hàng cho các hộ [Ngô Thị P](#) và [Ngô Thị L2](#) và [Ngô Thị V3](#) với tổng số tiền 25.200.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 11/VKSQB-P3 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố: [Võ Như V](#) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo [Võ Như V](#) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: [Võ Như V](#) từ 13 - 14 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và từ 02 - 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung cả hai tội; Miễn áp dụng hình

phạt bổ sung cho bị cáo; Về dân sự: Buộc [Võ Như V](#) phải bồi thường số tiền đã bị chiếm đoạt cho các bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như phát biểu luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt;

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả hồ sơ điều tra làm rõ số tiền bị cáo [V](#) vay của bà [Trần Thị Đ1](#) để xác định lại tang số; Nếu không trả hồ sơ thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo là quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có khắc phục một phần thiệt hại, đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đang áp dụng nhằm tạo điều kiện cho bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định của cơ quan Điều tra [Công an tỉnh Q](#), Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của các bị hại lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo [Võ Như V](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thời gian, địa điểm phạm tội, do đó có đủ căn cứ xác định: Từ năm 2010 đến năm 2011, [Võ Như V](#) là cán bộ tín dụng được Ngân hàng chính sách xã hội [huyện L, tỉnh Quảng Bình](#) giao nhiệm vụ phụ trách các [xã K, M, M, T](#), [Ngư Thủy T7](#) và [Hoa T8](#), để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo [V](#) đã lợi dụng lòng tin của các hộ vay vốn tin tưởng gửi tiền nhờ [V](#) nộp vào Ngân hàng trả nợ khoản vay nhưng bị cáo [V](#) không nộp cho Ngân hàng mà đã lạm dụng chiếm đoạt tiền của 18 bị hại với số tiền 3.523.800.000 đồng (Ba tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng); Ngoài ra [Võ Như V](#) còn đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Thực tế không có khách hàng đáo hạn nhưng bị cáo [V](#) vẫn đưa ra thông tin sai sự thật như mượn tiền để đáo hạn cho những khách hàng đến hạn mà họ chưa có tiền

trả nợ để làm thủ tục đáo hạn tại Ngân hàng làm cho các bị hại tin tưởng và giao tiền cho bị cáo. Với thủ đoạn trên bị cáo [V](#) đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của 06 bị hại với số tiền 98.530.000 đồng (Chín mươi tám triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo [Võ Như V](#) đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ nghị quyết số 41/2017/QH ngày 26/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn về việc áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội, do đó hành vi của bị cáo [Võ Như V](#) đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo [Võ Như V](#) là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo là cán bộ tín dụng được Ngân hàng chính sách xã hội Lê Thủy giao nhiệm vụ theo dõi nợ vay của khách hàng nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng đạo đức, mà lợi dụng sự tin tưởng của các khách hàng có quan hệ vay vốn với [Ngân hàng chính sách xã hội huyện L](#), bị cáo đã đưa ra những thông tin không đúng thực tế để chiếm đoạt tài sản của các bị hại với số tiền rất lớn, sau khi phạm tội do không có tiền trả cho các bị hại, bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra, vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại, nên được xem là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Tại phiên tòa các bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có bố là người có công với cách mạng, ngoài ra quá trình điều tra bị cáo đã ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo “phạm tội 02 lần trở lên” nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ nhận định trên, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội với thời gian đủ để giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung. Do bị cáo bị xử phạt hai tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt nhiều tội.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung làm rõ số tiền mà [Trần Thị Đ1](#) cho bị cáo vay với lãi suất cao. Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa cũng như tại Biên bản hỏi cung ngày 11/01/2023 bị cáo thừa nhận bị cáo vay của bà [Trần Thị Đ1](#) số tiền gốc là 2.966.500.000 đồng (BL 148-151) phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vì vậy đề nghị của Luật sư là không có cơ sở.

Trong vụ án này còn có bà [Trần Thị Đ1](#), trú tại [T, L, Quảng Bình](#), trong khoảng thời gian từ năm 2010 cho đến năm 2011 đã cho [Võ Như V](#) vay,

trả lãi theo thỏa thuận với mức lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000đồng/1 triệu/1ngày, tương đương từ 146%/năm đến 182,5%. Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “lãi suất vay tiền do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản”, tức là không quá 13,5%/năm. Đối chiếu với Điều 163 Bộ Luật hình sự năm 1999, hành vi của bà [Trần Thị Đ1](#) đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng”. Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 23 Bộ luật Hình sự năm 1999, đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, nên không xem xét xử lý về hành vi cho vay lãi nặng đối với bà [Trần Thị Đ1](#) nhưng cũng cần nghiêm khắc phê phán tại phiên tòa đối với bà [Trần Thị Đ1](#).

Về vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ một số tài liệu do [Ngân hàng chính sách xã hội huyện L](#) hiện được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Về hình phạt bổ sung: Hiện tại bị cáo không có tài sản, không có khả năng về tài chính nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại hiện bị cáo chưa trả. Vì vậy cần buộc bị cáo [Võ Như V](#) trả cho các bị hại tổng số tiền 3.577.130.000 đồng, cụ thể trả cho bà [Trần Thị H1](#) số tiền: 129.500.000 đồng; bà [Lê Thị Đ](#): 153.000.000 đồng; ông [Trần Tiến T2](#) 30.000.000 đồng; ông [Nguyễn Văn N1](#): 10.500.000 đồng; bà [Nguyễn Thị T4](#): 22.000.000 đồng; bà [Nguyễn Thị L](#): 25.000.000 đồng; ông [Ngô Quang V2](#): 41.000.000 đồng; bà [Trần Thị Đ1](#): 2.966.500.000 đồng; ông [Trần Vũ Q](#): 20.000.000 đồng; ông [Nguyễn Xuân L1](#): 34.000.000 đồng; ông [Trương Tiến D](#): 21.000.000 đồng; ông [Trần Văn S](#): 15.000.000 đồng; bà [Nguyễn Thị T](#): 18.000.000 đồng; ông [Nguyễn Văn T5](#) do bà [Lê Thị S1](#) (vợ [Nguyễn Văn T5](#) đại diện): 9.100.000 đồng; bà [Võ Thị N](#): 6.500.000 đồng; bà [Nguyễn Thị V1](#): 31.030.000 đồng; ông [Thái Văn T1](#): 15.000.000 đồng; ông [Lê Văn X1](#): 30.000.000 đồng;

Tại phiên tòa ông [Ngô Thê T6](#) chồng bà [Nguyễn Thị R](#) đề nghị không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền: 20.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông [T6](#).

Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 103.542.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Võ Như V](#) đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: [Võ Như V](#) 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội buộc bị cáo [Võ Như V](#) phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/7/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

3. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo [Võ Như V](#) trả lại cho các bị hại, gồm: bà [Trần Thị H](#) số tiền: 129.500.000 đồng; bà [Lê Thị Đ](#): 153.000.000 đồng; ông [Trần Tiến T2](#) 30.000.000 đồng; ông [Nguyễn Văn N1](#): 10.500.000 đồng; ông [Nguyễn Thị T4](#): 22.000.000 đồng; bà [Nguyễn Thị L](#): 25.000.000 đồng; ông [Ngô Quang V2](#): 41.000.000 đồng; bà [Trần Thị Đ1](#): 2.966.500.000 đồng; ông [Trần Vũ Q](#): 20.000.000 đồng; ông [Nguyễn Xuân L1](#): 34.000.000 đồng; ông [Trương Tiến D](#): 21.000.000 đồng; ông [Trần Văn S](#): 15.000.000 đồng; bà [Nguyễn Thị T](#): 18.000.000 đồng; bà [Lê Thị S1](#) (vợ [Nguyễn Văn T5](#)): 9.100.000 đồng; bà [Võ Thị N](#): 6.500.000 đồng; bà [Nguyễn Thị V1](#): 31.030.000 đồng; ông [Thái Văn T1](#): 15.000.000 đồng; ông [Lê Văn X1](#): 30.000.000 đồng;

Ghi nhận sự tự nguyện của ông [Ngô Thế T6](#) chồng bà [Nguyễn Thị R](#) không yêu cầu bị cáo [V](#) trả lại số tiền: 20.000.000 đồng;

5. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bên phải thi hành án trả cho người thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo [V](#) phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 103.542.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/5/2023). Riêng những bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNVCS - CA Q. Bình;
- Cơ quan CSĐT CA Q. Bình;
- Cục THADS Quảng Bình;
- Vụ GDKT I TANDTC;
- Phòng KTNV - THAHS TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- Người bào chữa;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, Tòa HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn